

FORMS OF COLOR EXPRESSION IN NGUYEN TUAN'S LITERARY REPORTAGE CO TO

Nguyen Thi Lien

Phu Yen University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/12/2025	As a universal linguistic phenomenon, every language possesses a system of lexical items used to express color. This study seeks to answer how the Vietnamese color-expressing lexical system operates and how Nguyen Tuan employs this system in his literary Reportage Co To, the article aims to describe the formal structures, semantic features, and combinatory potential of color-expressing units, thereby clarifying their role in shaping the author's artistic style. The research employs a combination of semantic-grammatical analysis and qualitative description. Color-related lexical items extracted from "Co To" are classified according to their structure, semantic fields, and collocational patterns, and are compared with the general Vietnamese color-lexicon system to identify distinctive aspects of Nguyen Tuan's usage. The findings indicate that the color vocabulary in "Co To" is rich in quantity and diverse in structure, used with high frequency and strong evocative value, reflecting the author's refined observational skills and vivid associative imagination. Extended and metaphorical meanings further contribute to the distinctive aesthetic tone characteristic of Nguyen Tuan prose. The study affirms the significant role of color vocabulary in constructing artistic imagery and expressing the writer's aesthetic perspective, while also highlighting the richness of the Vietnamese color-lexicon system.
Revised:	18/5/2026	
Published:	18/5/2026	
KEYWORDS		
Structure		
Expression		
Color		
Language		
Culture		

CÁC HÌNH THỨC BIỂU ĐẠT MÀU SẮC TRONG BÚT KÝ “CÔ TÔ” CỦA NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Thị Liên

Trường Đại học Phú Yên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/12/2025	Như một hiện tượng phổ quát, bất kỳ ngôn ngữ nào cũng tồn tại nhóm từ biểu đạt màu sắc. Trả lời câu hỏi hệ thống từ vựng biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt vận hành ra sao và Nguyễn Tuân đã khai thác hệ thống đó như thế nào trong tác phẩm kí “Cô Tô”, bài viết hướng đến mô tả cấu trúc hình thức, đặc điểm ngữ nghĩa và khả năng kết hợp của các đơn vị biểu đạt màu sắc, từ đó làm rõ vai trò của chúng trong việc xây dựng phong cách nghệ thuật của tác giả. Phương pháp nghiên cứu kết hợp phân tích ngữ nghĩa – ngữ pháp với miêu tả định tính; ngữ liệu màu sắc thu thập từ “Cô Tô” được phân loại theo cấu tạo, trường nghĩa và quan hệ kết hợp, đồng thời đối chiếu với hệ thống từ vựng biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt để xác định những điểm độc đáo trong cách sử dụng của Nguyễn Tuân. Kết quả cho thấy hệ thống từ ngữ màu sắc trong “Cô Tô” vừa phong phú về số lượng vừa đa dạng về cấu trúc, được sử dụng với tần suất cao, mang tính gợi tả mạnh, thể hiện rõ sự tinh tế trong quan sát và khả năng liên tưởng của tác giả. Những lớp nghĩa mở rộng và chuyển nghĩa góp phần tạo nên sắc thái thẩm mỹ đặc trưng của văn phong Nguyễn Tuân. Nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của từ vựng màu sắc trong kiến tạo hình tượng nghệ thuật và thể hiện quan điểm thẩm mỹ của nhà văn, đồng thời góp phần làm sáng tỏ sự giàu có của hệ thống màu sắc trong tiếng Việt.
Ngày hoàn thiện:	18/5/2026	
Ngày đăng:	18/5/2026	
TỪ KHÓA		
Cấu trúc		
Biểu đạt		
Màu sắc		
Ngôn ngữ		
Văn hóa		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14238>

Email: nguyenthilien@pyu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

93

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt hợp thành một nhóm đặc biệt thu hút khá nhiều sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học nói chung và các nhà Việt ngữ nói riêng. Nhóm từ vựng đặc biệt này, không chỉ phản ánh thế giới vật chất mà còn mang trong mình dấu ấn văn hóa sâu sắc. Bởi lẽ, màu sắc, dù là một thuộc tính khách quan của sự vật, nhưng quá trình nhận thức và phân biệt màu lại mang tính chủ quan và có sự khác biệt rõ rệt trong từng nền văn hóa và từng cộng đồng người. Nghiên cứu phương thức hoạt động của các hình thức biểu đạt màu sắc nói chung, đặc điểm, khả năng kết hợp, vận dụng các hình thức biểu đạt màu sắc trong kiến tạo hình tượng nghệ thuật nói riêng đã và đang là mục tiêu hướng đến của các nhà nghiên cứu yêu thích ngôn ngữ văn chương. Nhìn chung, cho đến nay, kết quả nghiên cứu “màu sắc” ghi nhận sự tiếp nối, phát triển của nhiều công trình, bài viết với đường hướng nghiên cứu đa dạng. Với mục đích làm rõ sự vận hành của lớp từ biểu đạt màu sắc nói chung, tác giả Đào Thản [1] đã đi sâu xác định hệ thống từ chỉ màu cơ bản, vấn đề tên gọi các màu phụ trong tiếng Việt; Các tác giả Nguyễn Thị Thành Thắng [2]; Trịnh Minh Hương [3]; Trần Văn Sáng [4]; Nguyễn Thị Lâm [5] nghiên cứu giá trị biểu cảm của các từ chỉ màu trong ngôn ngữ văn chương. Với đường hướng ứng dụng lí thuyết tri nhận, Lê Thị Vy [6]; Nguyễn Thị Liên [7]-[9] đã đi sâu phân tích giá trị tri nhận của màu sắc trong tiếng Việt nói chung, ngôn ngữ thơ ca nói riêng. Có thể nói, các công trình với mục đích nghiên cứu khác nhau đã góp phần làm rõ vai trò của từ vựng màu sắc trong ngôn ngữ, gợi mở sự cần thiết khai thác sâu sắc phương thức vận dụng màu sắc trong việc xây dựng hình tượng và cảm hứng nghệ thuật trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là trong bút kí “*Cô Tô*”, một trong những tác phẩm văn học đặc sắc trong việc sử dụng các hình thức biểu đạt màu sắc, phản ánh thế giới tự nhiên và thế giới nội tâm của con người. Thực tế, vẫn còn khoảng trống trong việc tìm hiểu cụ thể về sự chuyên hóa và sáng tạo của các hình thức biểu đạt màu sắc trong các tác phẩm văn học cụ thể. Chưa có công trình, bài viết nghiên cứu về sự vận hành của lớp từ biểu đạt màu sắc trong bút ký “*Cô Tô*” của Nguyễn Tuân. Với mong muốn góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu này, bài viết của chúng tôi đi sâu khám phá phương thức hoạt động của các hình thức biểu đạt màu sắc trong “*Cô Tô*”, chỉ ra khả năng kết hợp và vận dụng màu sắc như một công cụ thể hiện “màu sắc bên trong” của cảnh vật và con người. Nghiên cứu cũng sẽ làm rõ cách thức Nguyễn Tuân sử dụng màu sắc để phản ánh thế giới quan và phương thức tri nhận của nghệ sĩ đối với thiên nhiên và xã hội. Kết quả nghiên cứu sẽ không chỉ bổ sung vào kho tàng tri thức về ngữ nghĩa và biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt mà còn làm sáng tỏ cách thức mà nhà văn cảm nhận và lý giải thế giới xung quanh qua ngôn ngữ, cho thấy mối liên hệ bộ ba ngôn ngữ - tư duy - văn hóa dân tộc nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai trên cơ sở vận dụng phối hợp nhiều phương pháp ngôn ngữ học và phong cách học nhằm bảo đảm tính toàn diện và khách quan. Trước hết, phương pháp phân tích – tổng hợp ngữ liệu được sử dụng để thu thập toàn bộ những đơn vị từ ngữ mang giá trị biểu đạt màu sắc trong văn bản “*Cô Tô*”, từ đó phân loại theo tiêu chí cấu tạo, trường nghĩa và kiểu kết hợp, rồi tổng hợp lại để nhận diện quy luật sử dụng màu sắc xuyên suốt tác phẩm. Song song với đó, phương pháp miêu tả ngôn ngữ giúp làm rõ đặc điểm cấu trúc và ý nghĩa của các từ ngữ màu sắc, sự phân bố, tần suất cũng như các dạng kết hợp của chúng trong ngữ cảnh cụ thể. Nghiên cứu cũng vận dụng phương pháp phân tích ngữ nghĩa – ngữ dụng để khám phá giá trị biểu trưng, sắc thái thẩm mỹ và dụng ý nghệ thuật mà tác giả gửi gắm qua từng biểu đạt màu sắc, đồng thời xác định vai trò của chúng trong việc kiến tạo giọng điệu và nhân quan thẩm mỹ đặc trưng của Nguyễn Tuân. Từ góc nhìn phong cách học, màu sắc được xem xét như một phương tiện nghệ thuật quan trọng góp phần tạo dựng giá trị tạo hình và gợi cảm của bút ký, qua đó làm nổi bật phẩm chất tài hoa, uyên bác và cảm nhận tinh tế của nhà văn. Bên cạnh các phương pháp định tính, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp thống kê – định lượng để thống kê tần suất xuất hiện, mức độ ưu trội của từng gam màu, giúp củng cố các nhận định và đảm bảo độ tin cậy của

kết quả. Cuối cùng, phương pháp so sánh – đối chiếu được sử dụng nhằm mở rộng bối cảnh khảo sát, đặt biểu đạt màu sắc trong “*Cô Tô*” vào tương quan với văn bản ký khác của Nguyễn Tuân, từ đó làm nổi bật những đặc điểm phong cách riêng biệt của tác giả.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nguyễn Tuân và phong cách văn học

Nguyễn Tuân là một trong những cây bút độc đáo và tài hoa của văn học Việt Nam hiện đại. Có thể thấy phong cách văn học của ông trước hết được biểu hiện ở ý thức sâu sắc về giá trị của ngôn từ. Nguyễn Tuân sử dụng tiếng Việt như một chất liệu nghệ thuật tinh luyện, giàu sắc thái, giàu nhạc tính và khả năng gợi tả cao. Bên cạnh đó, phong cách Nguyễn Tuân còn thể hiện ở cái nhìn thẩm mỹ mang tính “chủ nghĩa xê dịch” và tinh thần tôn vinh cái đẹp, cái tài hoa của con người trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Chính sự kết hợp giữa cá tính sáng tạo mạnh mẽ và năng lực khai thác tối đa tiềm năng của tiếng Việt đã làm nên phong cách Nguyễn Tuân - một phong cách không trộn lẫn, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển và hiện đại hóa ngôn ngữ văn học Việt Nam.

Sáng tác của Nguyễn Tuân rất phong phú về thể loại, song kí (tùy bút, bút kí) là thể loại thành công nhất. Nếu ở thiên tùy bút “Người lái đò sông Đà”, qua lối miêu tả đặc biệt thiên nhiên Tây Bắc với vẻ đẹp tuyệt vời, diễm lệ của núi sông, những thung lũng lúa chín vàng, v.v... Nguyễn Tuân đã khiến người đọc bị cuốn hút bởi một vốn ngôn ngữ phong phú, một sự quan sát tỉ mỉ, tinh tế và một ngòi bút tài hoa thì ở “*Cô Tô*”, thông qua việc vận dụng các hình thức biểu đạt màu sắc đa dạng, Nguyễn Tuân đã phác họa bức tranh sinh động, trong sáng của thiên nhiên và đời sống con người trên vùng đảo Cô Tô, khiến người đọc phải thán phục trước ngòi bút điêu luyện. Sự gắn kết giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong cách diễn đạt đã góp phần định hình phong cách Nguyễn Tuân. “*Cô Tô*” không đơn thuần cuốn hút người đọc bởi vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên hữu tình mà còn khiến bao thế hệ độc giả phải trầm trồ trước vẻ đẹp của những trang viết – kết quả tất yếu từ một cách viết mang chiều sâu, bề rộng và tầm cao văn hóa của nhà văn tài hoa. Trong tác phẩm “*Cô Tô*”, với việc sử dụng các hình thức biểu đạt màu sắc, Nguyễn Tuân không chỉ miêu tả cảnh vật mà còn đưa người đọc vào một thế giới màu sắc độc đáo và mang tính biểu trưng, làm sống dậy ngôn ngữ Việt với sự sáng tạo không ngừng. Màu sắc trong “*Cô Tô*” không chỉ đơn thuần là màu sắc của thiên nhiên, mà còn phản ánh một thế giới tinh thần phong phú, nơi ngôn ngữ và văn hóa hòa quyện với nhau.

3.2. Các hình thức biểu đạt màu sắc trong “*Cô Tô*”

3.2.1. Các từ đơn tiết biểu đạt màu sắc

Các hình thức biểu đạt màu sắc “góp mặt” tạo nên nét độc đáo trong ngòi bút của Nguyễn Tuân. Trước hết, đó là sự có mặt của các tính từ chỉ màu (bao gồm các từ đơn tiết kiểu: *đen, trắng, đỏ, xanh, v.v...*) Đó là những tên gọi màu được người Việt tri nhận một cách khái quát. Tuy vậy, trong nội bộ nhóm này, các từ không hoàn toàn đồng nhất về giá trị biểu đạt, về quan hệ nguồn gốc. Một số từ đơn giản là tên gọi màu một cách vô đoán, không gắn với một sự vật đơn lẻ nào (*đen, trắng, đỏ, vàng, xanh*). Chúng có thể được phân chia thành các từ chỉ màu cơ bản hoặc màu phụ [10, tr. 11]. Một số từ được hình thành trên phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ, gắn liền với tên gọi của sự vật, hiện tượng trong thực tế (*gụ, chàm, nâu, son*). Mỗi quan hệ về nguồn gốc ở các từ này là tương đối rõ ràng - mượn tên gọi của chính sự vật để gọi tên màu. Nói cách khác, mỗi quan hệ giữa hình thức ngữ âm và ý nghĩa của các từ này là có thể giải thích được, một sự vô đoán không hoàn toàn. Tên gọi màu thực chất là tên gọi của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên với những thuộc tính về màu sắc. Hình thức biểu đạt màu - tính từ chỉ màu chính là vốn từ quan trọng được Nguyễn Tuân vận dụng khá nhiều trong thiên kí “*Cô Tô*” của mình, góp phần đáng kể vào sự thành công trong việc miêu tả thiên nhiên cũng như con người của nhà văn. Qua khảo sát, trong “*Cô Tô*”, chúng tôi đã thống kê được 10 lượt dùng các tính từ chỉ màu sắc. Cụ thể: *xám, vàng, nâu, hồng, xanh* (4 lượt), *trắng* (2 lượt). Các từ đơn tiết biểu đạt màu sắc do một hình vị cấu tạo nên, khi được sử dụng trong miêu tả thì đặc trưng, tính chất của sự vật được nói đến thường

mang ý nghĩa khái quát. Trong “*Cô Tô*”, các màu của “*mây xám*”, của “*hạt ngọc vàng*”, của “*bọt trắng*” là bước khởi điểm của trận đồ màu sắc mà nhà thơ muốn thể hiện, biểu trưng hóa cho thuộc tính của sự vật hiện tượng trong kết hợp danh từ + tính từ này.

3.2.2. Cấu trúc biểu đạt màu sắc kiểu “yếu tố chỉ màu + yếu tố lấy”

Bên cạnh những từ đơn chỉ màu sắc, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy số lượng từ lấy biểu đạt màu xuất hiện trong tác phẩm không nhiều, khoảng 6 lần, bao gồm các từ có mô hình “yếu tố chỉ màu + (yếu tố sắc độ) + yếu tố lấy”: *xam xám* (2 lần), *vàng vàng*, *hồng hào*, *trắng mù mù*, *vàng đùng đùng*. Các từ lấy chỉ màu sắc được thể hiện bằng phương thức “hòa phối ngữ âm có tác dụng tạo nghĩa” được sử dụng trong “*Cô Tô*” về cơ bản được cấu tạo theo phương thức lấy lại toàn bộ hoặc có sự biến đổi ngữ âm hình thức âm tiết của các tính từ chỉ màu hoặc yếu tố chỉ sắc độ như *trắng mù mù*, *vàng đùng đùng*. Tuy chiếm tỉ lệ không nhiều nhưng hoạt động của các từ lấy đã góp phần tạo nên sự phong phú trong cách thể hiện màu sắc của Nguyễn Tuân. Các từ lấy trong “*Cô Tô*” như *xam xám*, *vàng vàng*, *hồng hào* không chỉ có chức năng miêu tả màu sắc mà còn biểu lộ một trạng thái cảm xúc vui tươi, sự sống động của thiên nhiên và con người. Nguyễn Tuân sử dụng các cấu trúc này để làm phong phú thêm ngôn ngữ miêu tả, đồng thời gọi lên sự hài hòa giữa ngôn ngữ và văn hóa, khi màu sắc không chỉ là sự phản ánh cảm quan mà còn là biểu tượng của những cảm xúc. Bằng việc sáng tạo ra các cách kết hợp mới lạ giữa các từ chỉ màu sắc, ông đã không chỉ thể hiện sự tài hoa trong ngôn ngữ mà còn khẳng định chiều sâu văn hóa và tư duy đặc biệt của mình.

3.2.3. Cấu trúc biểu đạt màu sắc kiểu “yếu tố chỉ màu + sắc độ”

Bên cạnh đó, cũng cần nói đến sự xuất hiện của hình thức biểu đạt màu “Yếu tố chỉ màu + sắc độ”. Trong hình thức biểu đạt màu sắc này, yếu tố chỉ màu bao hàm một số lượng phong phú các tính từ chỉ màu trong tiếng Việt. Thực tế cho thấy, trong tiếng Việt, hầu hết các từ đơn chỉ màu đều có khả năng đi vào kiểu cấu tạo này với tư cách là yếu tố gốc, ngoại trừ các từ biểu đạt màu sắc phái sinh từ sự vật hiện tượng trong thực tế khách quan. Người Việt có thể ghi nhận sự biến thiên, tăng giảm về sắc độ của các từ chỉ màu cơ sở nhưng lại không có sự ghi nhận nào về sự tăng giảm sắc độ màu đối với các tên gọi màu phái sinh từ sự vật hiện tượng trong thực tế khách quan như: *mun*, *thâm*, *son*... Yếu tố sắc độ biểu thị sự khác biệt trong từng tính chất màu. Điều này có nghĩa là, yếu tố sắc độ chính là yếu tố khu biệt tính chất màu này và tính chất màu khác, giữa hình thức biểu đạt màu sắc kiểu này và các hình thức khác trong tiếng Việt. Khả năng tăng giảm về sắc độ nằm trong bản thân ngữ nghĩa của các từ. Về mặt hình thức, khả năng này thể hiện bằng tổ hợp các từ mang ý nghĩa chỉ màu sắc cụ thể với các từ chỉ mức độ kiểu: *đậm*, *nhạt*... hoặc các đơn vị mang tính chuyên biệt về nghĩa như: *au*, *ngắt*, *bóc*, *thui*, *lè*... Các đơn vị này hoạt động trong phạm vi khá rộng với độ linh hoạt cao. Mỗi đơn vị có thể tham gia biểu đạt sự tăng giảm về sắc độ cho nhiều màu khác nhau, xuất hiện cùng lúc trong nhiều tên gọi màu khác nhau như: *tím thâm*, *đỏ thâm*, *xanh thâm*... Và ngược lại, nhiều đơn vị biểu đạt sắc độ khác nhau đều có khả năng kết hợp với cùng một từ chỉ màu. Một tính chất màu như “*đỏ*” chẳng hạn, có thể được ghi nhận với nhiều sắc độ như: *đỏ khè*, *đỏ khé*, *đỏ ối*, *đỏ thắm*... Cũng có trường hợp hạn hữu, yếu tố chỉ sắc độ có khả năng đứng một mình, tách khỏi yếu tố chỉ màu như “*biếc*” trong “*nước biếc*” chẳng hạn.

Cùng với bộ phận từ đơn, từ lấy, khảo sát tác phẩm, chúng tôi cũng đã thống kê được 11 đơn vị biểu đạt màu theo mô hình “Từ chỉ màu + sắc độ” (*thâm giòn*, *vàng rộm*, *đục xám*, *trắng dài*, *vàng ênh*, *xanh mướt*, *lam biếc*, *vàng giòn*, *hừng hồng*, *đục xám*, *xanh quá quắt*). Trật tự cố định giữa các hình vị trong cấu trúc vẫn được bảo đảm, Nguyễn Tuân vẫn sử dụng chúng theo mô típ quen thuộc “chính + phụ” nhưng việc thay đổi bộ phận chỉ sắc độ trong các từ một cách bất ngờ tạo để tạo ra dạng từ mới là điểm đáng được nghiên cứu chi tiết. Các yếu tố “*mướt*, *đục*, *giòn*, v.v...” vốn là những yếu tố có khả năng kết hợp hạn chế, dưới bàn tay nghệ sĩ với cách kết hợp mới bỗng mang một sức sống mới. Nguyễn Tuân vận dụng các hình thức biểu đạt màu sắc này trong tác phẩm “*Cô Tô*” theo một lối rất riêng. Tựa hồ đang trên con đường quen thuộc, nhà văn đột ngột

khiến người ta mơ hồ, băng khuôn như đang đi trên con đường nào vừa lạ vừa quen. Từ những sắc màu với lối tri nhận quen thuộc “*vàng rộm, xanh mướt, hồng hồng*”, nhà văn “đột ngột” đưa ra những cách kết hợp rất lạ “*thâm ròn, vàng ênh, vàng giòn, lam biếc, xanh quá quắt*”. Cái lí do bên trong giữa tính chất màu và sắc độ được biểu đạt dường như đã vượt qua ranh giới của sự quy định mang tính chuẩn mực. Không còn cái gò bó, từng mảng màu, sắc độ cứ thế bung ra đầy cá tính, ngao ngễ, lạ lùng song lại khiến người đọc thích thú. Cái sắc “biếc” chẳng hạn, không còn nằm trong cái khuôn của “xanh” đơn thuần nữa mà đã chuyển sang “*lam biếc*”. Tương tự, sắc “*đục, đục đục*” không còn gò bó trong cái khuôn của màu “*trắng*” mà chuyển sang “*đục xám*”, bên cạnh một sắc “*vàng ênh*” không dễ gì lí giải. Những biến đổi này hiện diện một cách nổi bật, thể hiện sự thách thức đối với các quy ước phân loại màu sắc truyền thống. Cái chất lãng tử của câu chữ cũng cứ thế bung ra, tự nhiên, khiến người đọc bất ngờ song cũng đầy thích thú. Nguyễn Tuân đã sử dụng các tính từ chỉ màu sắc với một mức độ linh hoạt và sáng tạo cao, biến những yếu tố tưởng chừng như đơn giản thành công cụ miêu tả sắc bén, mang đậm dấu ấn cá nhân, không chỉ phản ánh thế giới xung quanh, mà còn là biểu tượng cho những cảm xúc và lối tri nhận của con người. Chẳng hạn, sự chuyển biến từ các màu sắc cơ bản như “xám” hay “vàng” đến những cách diễn đạt đặc biệt như “*vàng ênh*” hay “*xanh quá quắt*” không chỉ tạo nên một bức tranh sinh động về thiên nhiên mà còn phản ánh tư duy sáng tạo và cảm nhận văn hóa của Nguyễn Tuân. Trong quá trình này, ông không chỉ tái tạo thiên nhiên mà còn tái tạo cách thức mà người Việt cảm nhận và lý giải thế giới xung quanh.

Cùng với lối thay đổi yếu tố sắc độ trong các từ ghép biểu đạt màu, ở “*Cô Tô*”, Nguyễn Tuân còn sử dụng cách thay đổi trật tự giữa các thành tố, chẳng hạn nhà văn dùng “*đục xám*” thay vì một kết hợp thông dụng “*xám đục*” trong “*Anh xã viên cười trong mưa bão, cái cười sáng như ánh chớp giữa một trời biển đục xám*” (Trích “*Cô Tô*”). Chính cách thay đổi trật tự này có tác dụng nhấn mạnh thành phần sắc thái hóa, làm phong phú thêm sự thể hiện màu sắc trong sáng tác của Nguyễn Tuân. Có thể nói, không chỉ góp nhặt những từ sẵn có, bằng lòng với những cách biểu đạt thông dụng, ý thức sáng tạo luôn ngự trị trong cách dùng từ của ông. Những cách biểu đạt màu truyền thống theo kiểu “màu + sắc độ” tưởng như cũ mòn nhưng khi vào tay ông chợt trở nên mới lạ, dồi dào sức biểu hiện. Cảnh vật dưới ngòi bút Nguyễn Tuân với sự hỗ trợ của các hình thức biểu đạt màu mang một sắc thái mới, tinh khôi, quang đăng như vừa được gột rửa, thay áo mới, bừng lên trong những nét đẹp đầy sức sống, như một cuộc hồi sinh kì diệu sau khi cơn bão đi qua trong những sắc màu: “*Cây trên núi đảo lại thêm xanh mướt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa*” (Trích “*Cô Tô*”).

Cần nói thêm rằng, sự tri nhận màu sắc của con người nói chung và trong tiếng Việt nói riêng, như các nhà ngôn ngữ học tri nhận đã chỉ ra, có nguồn gốc từ chính sự trải nghiệm của con người và “việc tri nhận màu sắc của con người là sản phẩm của sự kết hợp giữa thần kinh thị giác với khả năng tri nhận của não bộ, nó không phải là một tổ hợp cơ năng tri nhận hoàn toàn khách quan, độc lập nằm ngoài chủ thể tri nhận, mà được tạo ra từ thế giới hiện thực” [11, tr.80]. Điều này cho thấy tính không thể tách rời giữa tâm lý và sinh lý khi “một loại kích thích có thể kích hoạt nhiều tri giác của các giác quan khác nhau, tạo nên sự cộng minh não bộ” [11, tr.81]. Cơ chế chuyển đổi cảm giác này tạo thành cơ sở tâm sinh lý để con người nhận biết sự vật. Chính vì thế, màu sắc dường như có thêm độ sâu, độ lạnh, độ nóng. Cảm quan tinh nhạy cùng lối tri nhận màu sắc này đã giúp nhà văn lắng nghe, cảm nhận được những tín hiệu của đất trời để mở rộng hồn mình vào thế giới của thiên nhiên để vạn vật ùa vào một cách tự nhiên, khoáng đạt.

3.2.4. Cấu trúc biểu đạt màu sắc kiểu “yếu tố chỉ màu + “*như*” + vật đại diện”

Mặt khác, để làm nổi bật cái nét riêng của thiên nhiên Cô Tô, nhà văn lãng tử này đã vận dụng triệt để các hình thức biểu đạt màu sẵn có trong tiếng Việt, đồng thời lại khoác cho các hình thức ấy nét tân kì cực kì lí thú. Vẫn trên cái nền của mô hình: “*từ chỉ màu + (như) + vật đại diện*” kiểu: “*xanh (như) màu cánh trả*”, “*xanh (như) lá chuối non*”... Nguyễn Tuân khi dùng nguyên khối, lúc lại lược bỏ yếu tố màu (*xanh, đỏ...*) chỉ còn lại yếu tố phạm trù “màu” một cách rất

chung chung như “màu cánh trà” “màu chuối non”. Song chính lối lược bỏ ấy, lại khiến cho việc miêu tả sắc màu trở nên chính xác hơn. Bởi lẽ, chính cái chung của phạm trù màu kết hợp với cái cụ thể, điển hình hóa của tính chất màu ở “vật đại diện” đã khiến cho việc biểu đạt màu sắc cũng như bức tranh thiên nhiên trở nên sống động hơn với những mảnh màu được định danh cụ thể, được sắp xếp hết sức tinh vi, tựa hồ một sinh vật sống. Bức tranh đảo Cô Tô được tô điểm bởi vô số sắc màu cứ thế như có ma lực cuốn hút người đọc đi từ cung bậc này đến cung bậc khác. Nhưng dường như cái màu sắc ấy vẫn còn nằm trong cái “dây cương” của ngôn ngữ, trong nghĩa biểu đạt của các cấu trúc biểu đạt. Chỉ đến khi mặt biển buổi chiều được ghi nhận với vô số sắc màu thì “sợi dây cương” ấy dường như bị phá bỏ. Sự biểu đạt không chỉ đơn thuần là mô tả, vượt khỏi ranh giới mô tả thường nhật cho thấy cách thức nhận thức và lý giải thế giới xung quanh của người nghệ sĩ. Mở đầu đoạn văn mô tả vẻ đẹp của biển, nhà văn đã lập tức khiến người đọc bất ngờ trước một màu “*xanh quá quắt*”. Biển dường như cũng có tính cách, cái tính cách của một cô gái ngúng ngoẩy, đáng yêu vừa khiến người ta yêu vừa gợi cảm giác tò mò khám phá cho được cái “*quá quắt*” ấy là gì. Sự vật được miêu tả trong trường liên tưởng, cảm giác chuyển đổi tinh tế, bất ngờ. Như một ma trận sắc màu, Nguyễn Tuân cứ thế, tự nhiên, phân tích cái “*quá quắt*” ấy với hàng loạt màu khiến người đọc chao đảo vì tính tân kỳ của cách miêu tả, hay vì cái sâu sắc trong nội dung biểu đạt, hoặc sự phá cách trong việc thể hiện mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt của một tín hiệu ngôn ngữ. Nhà văn như đang tự vấn chính mình với hàng loạt sự thay đổi của màu sắc đến không thể lí giải nổi: “*biển xanh như gì nhỉ? Xanh như lá chuối non? Xanh như lá chuối già? Xanh như mùa thu ngã cỏm làng Vòng?... Nó xanh như màu áo Kim Trọng trong tiết Thanh minh?... Thế thì nước biển xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn tỳ bà trên con sông Giang Châu thì có đúng không? Chưa được ư? Thế thì nó xanh như một màu áo cưới... Xanh như một trang sử của loài người, lúc con người còn phải viết vào thân tre?... Nước biển đang xanh cái màu xanh dầu xẵng của những người thiếu quê hương... Chao ôi, nước biển Cô Tô chiều nay xanh cái màu xanh của ngọc bích. Hoặc là chao ôi, nó xanh như một niềm hy vọng trên cửa bể*” (Trích “*Cô Tô*”). Mô hình biểu đạt màu kiểu: “*Từ chỉ màu + như + vật đại diện*” vẫn được áp dụng. Song vật đại diện ở đây không còn đơn thuần là “tên gọi của sự vật hiện tượng trong đời sống”, là “những sự vật hiện tượng trong tự nhiên với những thuộc tính đặc thù có tính “đập vào mắt”, được cảm nhận bằng thị giác” [12, tr.61] mà là những “biểu tượng” được biểu trưng bằng vốn tri thức văn hóa với bề rộng và chiều sâu của nó. “Vật đại diện” cho tính chất màu truyền thống vốn là những vật được coi là đại diện cho tính chất màu ấy, nó thể giống hoặc không giống với màu ấy một cách đích thực những vẫn được coi là đại diện cho cái tính chất màu ấy. Nhưng yếu tố này ở đây, trong cách sử dụng của Nguyễn Tuân thật khó mà lí giải. Dựa trên cái nền truyền thống của mô hình có sẵn, “vật đại diện” trong các hình thức biểu đạt màu khiến người đọc không thể quy “màu” về màu nào trong thực tế. Bởi lẽ, cái màu “*xanh như lá chuối non? Xanh như lá chuối già?*” còn có thể cảm nhận bằng thị giác nhưng đến “*xanh như mùa thu ngã cỏm làng Vòng*”, “*xanh như màu áo Kim Trọng trong tiết Thanh minh*” thì cái màu ấy làm sao đơn thuần để cảm nhận bằng thị giác? Nói đúng hơn, màu sắc đã chuyển thành màu biểu trưng của tâm lý, của chiều sâu tri thức văn hóa. Nhà văn đã vun vào đây cả một tình yêu quê hương, ngôn ngữ dân tộc vô bờ bến của mình ẩn trong cái màu của “*mùa thu ngã cỏm làng Vòng*”. Một sắc trời thu trong xanh ư? Không đơn giản như thế. Người ta có cảm giác cái màu xanh mà nhà văn muốn thể hiện mang cả chiều sâu của không gian. Đó là một thứ màu vừa cụ thể đặc trưng của mùa thu trong sắc trời của làng quê Việt Nam, đó đồng thời cũng là một thứ “màu” của cảm giác bình yên được nhận thức gắn với màu xanh định hình trong văn hóa người Việt. Không chỉ sử dụng thị giác đơn thuần, nhà văn khiến người đọc phải vận dụng cả vốn tri thức văn hóa, văn học để cảm nhận hết cái sắc màu của biển. Tri thức về văn hóa Việt với mùa thu, với truyện Kiều trở thành “bệ đỡ” cho sự tri nhận màu xanh độc đáo dưới nét vẽ của Nguyễn Tuân. Cái màu xanh ấy dường như kéo dài vô tận, cái màu với chiều sâu và bề rộng vượt khỏi không gian địa lí đơn thuần. Nó biến hóa từ sự thanh lịch trong “*màu áo Kim Trọng trong tiết Thanh minh*” rồi nhuộm màu bi thương “*như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn*

tỳ bà trên con sông Giang Châu” trong lịch sử Trung Hoa; nó vừa cụ thể lại vừa bí hiểm như màu “*xanh xẵng dầu của những người thiếu quê hương*”, vừa mơ hồ lại lảng như màu “*xanh như một niềm hy vọng trên cửa bể*”... Tư duy nhận thức, bề rộng và chiều sâu văn hóa ấy như hội tụ trong các “vật đại diện” được nhà văn sử dụng. Các thuộc tính sắc độ tươi mát, tính nhiệt thấp đặc trưng của màu xanh – xanh dương được chiếu xạ lên miền đích trong tư duy con người định hình cảm giác bình yên, nhẹ nhàng mà chắc chắn. Màu sắc trở thành “bệ đỡ” cho sự lí giải thế giới xung quanh thông qua lăng kính văn hóa. Sử dụng màu xanh để gợi liên tưởng về sự bền bỉ, sức sống tiềm ẩn của đam mê là biểu hiện tư duy ý niệm màu sắc trong thực tiễn tiếng Việt. Màu xanh mặt biển Cô Tô trước hết là sự kết hợp của tất cả những yếu tố tâm lí, những quan niệm ấy. Đó là màu xanh thực của biển, màu xanh kết hợp màu của cảm giác, của tư duy văn hóa. Toàn bộ đoạn văn miêu tả mặt biển Cô Tô là một màu xanh bất tận giao hòa, đan xen vào nhau, được nhà văn nói đến gián tiếp bằng những hình ảnh giàu sức gợi màu xanh: *mùa thu, màu áo cưới, niềm hi vọng*... Nhà văn đã rất tận tâm trong cách biểu đạt các phạm trù màu này. Đặc biệt cái màu “*xanh như một màu áo cưới*”, “*xanh như một trang sử của loài người, lúc con người còn phải viết vào thân tre*” không chỉ có ý nghĩa miêu tả. Miêu tả nhưng không hẳn là miêu tả. Lấy gì để kiểm chứng tính chất màu được biểu đạt trong các “vật đại diện” cho tính chất màu được nói đến ở đây? Thực khó để cảm nhận một cách chính xác cái màu mà nhà văn muốn biểu đạt. Rõ ràng màu sắc trở thành bệ đỡ cho phương thức tri nhận. Cấu trúc “từ chỉ màu + như + vật đại diện” – cấu trúc so sánh không chỉ có vai trò khơi gợi sự nhận thức nào đấy của người đọc về sự vật hiện tượng được miêu tả vốn là đặc trưng của các hình thức so sánh. Lối tri nhận màu sắc của nhà văn cho thấy sự tài hoa được tạo nên bởi sự vận dụng linh hoạt vốn từ vựng phong phú, bởi sự tinh tế trong việc so sánh, liên tưởng táo bạo, bất ngờ với những hình ảnh đẹp đầy gợi cảm? Hay là sự phô diễn nghệ thuật ngôn từ của nhà văn? Có lẽ là cả hai. Nguyễn Tuân, trong lối sử dụng cấu trúc biểu đạt màu sắc một mặt vận dụng các cấu trúc sẵn có, mặt khác lại khiến cho các cấu trúc biểu đạt này trở nên mới lạ, hấp dẫn, hiện đại hơn rất nhiều trong cách lựa chọn “vật đại diện”. Ở đây, nhà văn đã không chỉ cho thấy khả năng vận dụng sáng tạo các hình thức biểu đạt màu sắc trong tiếng Việt mà hơn hết chiều sâu tri thức từ “ý thức vận dụng tri thức của các ngành như hội họa, văn hóa, văn học... để miêu tả hiện thực, sáng tạo hình tượng” [13, tr.20], để nhận thức và lý giải thế giới xung quanh một lần nữa đã tạo nên nét đặc sắc cho những trang viết của ông, góp phần tạo nên, khẳng định phong cách tài hoa và trí tuệ của nhà văn. Những trang tùy bút của ông nói chung và “*Cô Tô*” nói riêng do vậy không chỉ giàu chất thẩm mỹ, phong phú về từ vựng, đa dạng trong cách vận dụng các sắc thái, phương thức tri nhận được biểu hiện trong các cấu trúc ngôn ngữ mà còn thu hút người đọc bởi tính tân kỳ trong lối tri nhận, phương thức nhận thức và giải thích thế giới xung quanh. Tất cả góp phần thể hiện rõ nét hơn phong cách nghệ thuật cũng như quan điểm, cách nhìn của cá nhân nghệ sĩ đối với thiên nhiên và xã hội con người Việt Nam. Các hình thức biểu đạt màu sắc trong “*Cô Tô*” do vậy, cũng là một yếu tố tích cực thể hiện sự phát triển đến một trình độ cao, vừa trang nhã, cổ kính lại vừa sắc sảo, hiện đại trong nghệ thuật tùy bút, cách thức tri nhận và lý giải thế giới xung quanh của nhà văn.

4. Kết luận

Nghiên cứu các hình thức biểu đạt màu sắc trong bút ký “*Cô Tô*” của Nguyễn Tuân đã mang lại những kết quả đáng chú ý. Thứ nhất, chúng tôi đã làm rõ các hình thức và đặc điểm ngữ nghĩa của các cấu trúc biểu đạt màu sắc được nhà văn Nguyễn Tuân sử dụng trong “*Cô Tô*”. Việc phân tích này không chỉ cung cấp thêm minh chứng sinh động cho cách thức biểu đạt màu sắc trong ngôn ngữ văn chương mà còn đi sâu vào việc làm sáng tỏ lối tư duy và cách tri nhận màu sắc độc đáo của nhà văn. Sự kết hợp giữa cái nhìn phổ quát về màu sắc với những nét chấm phá mang đậm dấu ấn cá nhân đã góp phần quan trọng trong việc thể hiện phong cách nghệ thuật cũng như quan điểm, cách nhìn của Nguyễn Tuân đối với thiên nhiên và con người Việt Nam. Thứ hai, nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò đa chiều của màu sắc trong tác phẩm. Nguyễn Tuân đã sử dụng màu sắc không chỉ để tái tạo thế giới thiên nhiên một cách chân thực, sống động mà còn để mở ra một

không gian văn hóa đặc biệt. Tại đây, ngôn ngữ và tư duy hòa quyện, tạo nên một thế giới sắc màu đa chiều, phong phú. Màu sắc trong "Cô Tô" không đơn thuần là yếu tố miêu tả mà còn là một công cụ biểu đạt tư tưởng, phản ánh chiều sâu văn hóa dân tộc, thể hiện sự tương giao giữa con người và thiên nhiên. Thứ ba, qua việc phân tích, chúng tôi nhận thấy lối tri nhận màu sắc trong tác phẩm đã được bổ sung và phát triển, vượt ra ngoài phạm vi các màu cơ bản để mở rộng sang các màu phái sinh và các ẩn dụ ý niệm màu sắc. Những sắc thái này in đậm dấu ấn văn hóa Việt Nam, cho thấy sự phức tạp và tinh tế trong cách người Việt cảm nhận và diễn đạt thế giới qua màu sắc. Điều này càng khẳng định tính cần thiết của việc tiếp cận liên ngành, xem xét mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ, tư duy và văn hóa dân tộc khi nghiên cứu về biểu đạt màu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. Dao, "The System of Color Terms in Vietnamese in Relation to Some Universals," *Language*, no. 2, pp. 12-15, 1992.
- [2] T. T. T. Nguyen, "The Color Green in the Poetry of Nguyen Binh," *Language and Life*, no. 11, pp. 11-12, 2001.
- [3] M. H. Trinh, "The Symbolic Meaning of Color Words in Vietnamese (Based on Texts from Literary Style)," Master's Thesis in Linguistics, University of Pedagogy, Ho Chi Minh City, 2009.
- [4] V. S. Tran, "The World of Colors in Folk Songs," *Language and Life*, no. 2, pp. 65-68, 2009.
- [5] T. L. Nguyen, "Color Symbolism in the Poetry of Che Lan Vien," Master's Thesis in Linguistics, University of Pedagogy, Ho Chi Minh City, 2013.
- [6] T. V. Le, "Ethnic Cultural Features Expressed through Color Words," *Language and Life*, no. 6, pp. 31-34, 2006.
- [7] T. L. Nguyen, "The Conceptual Metaphor of HUMAN EMOTION AS COLOR in Vietnamese," *Journal of Science and Technology, University of Da Nang*, vol. 8, no. 129, pp. 48-52, 2018.
- [8] T. L. Nguyen, "Conceptual Metaphors of the Color Red in Vietnamese," In *Proceedings of the National Scientific Conference "Teaching Vietnamese in the Context of Educational Reform and International Integration"*, 2023, pp. 708-716.
- [9] T. L. Nguyen, "Conceptual Metaphors of Color in the Lyrics of Trinh Cong Son," In *Proceedings of the 2024 National Linguistics Conference on Language Education and Culture in the Context of Exchange, Integration, and Development*, 2024, pp. 469-477.
- [10] T. L. Nguyen, "The Expression of Color in Vietnamese Words," Master's Thesis, University of Science, Hue, 2004.
- [11] D. P. Trieu, *Introduction to Cognitive Linguistics*. National University Publishing House, Hanoi, 2011.
- [12] B. T. Chu, "Evaluative Components in the Meaning of Some Adjectives," *Language*, no. 1, pp. 60-63, 1989.
- [13] D. S. Tran, *Textbook of Modern Vietnamese Literature*. Education Publishing House, 2000.